

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11- 3 -2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con và chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa Pên toà:* Bà Vũ Thị Phương

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Việt Trung - Chủ tịch Hội nạn nhân chất độc da cam - dioxin P.

2. Ông Phạm Văn Khuyến - Nguyên hiệu trưởng trường tiểu học Long Phú, xã Bù Nho, huyện P.

- *Thư ký Pên toà:* Bà Phạm Thị Thùy Duyên -Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước tham gia Pên toà:* Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà N1 Thị Thu T, sinh năm 1984

- *Bị đơn:* Ông Phạm Duy T1, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Phước T1, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền, lợi ích liên quan:*

1. Cháu Phạm Thị Yến P, sinh ngày 16/09/2004;

2. Cháu Phạm Thị Yến N, sinh ngày 25/07/2008;

3. Cháu Phạm Trọng N1, sinh ngày 07/01/2016

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Phước T1, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà N1 Thị Thu T trình bày:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Phạm Duy T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 25/03/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tín, thị xã Phước Long (cũ) nay là xã Phước T1, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Sau khi kết hôn được hơn 01 năm, bà T nhận thấy ông T1 là người thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm vợ con, hay đánh bài, nợ nần Nều, bà T phải lo trả nợ cho ông T1 dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, thường xuyên cãi vã, có Nều lần ông T1 đánh đập bà T. Bà phát hiện ông T1 hay rình em gái và cháu gái tắm, ông T1 xin tha thứ, vì con bà chấp nhận nhưng ông T1 không sửa đổi. Khoảng giữa năm 2023, ông T1 có hành vi xâm sỡ chị dâu bà và bị tố cáo lên xã Phước T1. Sự việc này đã làm bà mất niềm tin và tình cảm với ông T1.

Bà nhận thấy hôn nhân giữa bà và ông T1 trở lên mệt mỏi, áp lực, mất hết tình cảm vì vậy yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Duy T1.

[2] *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Ông bà có 04 con chung gồm cháu Phạm Thị Yến P, sinh ngày 16/09/2004; Phạm Thị Yến N, sinh ngày 25/07/2008; Phạm Trọng N1, sinh ngày 07/01/2016 và Phạm Thị An Nền, sinh ngày 10/8/2019. Cháu P đã trưởng thành và lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn 03 con chung gồm Yến N, Trọng N1 và An Nền, bà T yêu cầu được chăm sóc và nuôi dưỡng cả con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

[3] *Về tài sản chung:* Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N1 Thị Thu T khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu phân chia tài sản gồm:

Tài sản thứ nhất: Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 84, diện tích 324.8m², tọa lạc tại thôn Đ, xã Phước T1, huyện P, tỉnh Bình Phước, đất chưa được cấp GCNQSD đất.

Tài sản thứ hai: Thửa đất số 125, tờ bản đồ số 07, diện tích 8.799,8m², tọa lạc tại thôn Đ, xã Phước T1, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Bà T yêu cầu được nhận tài sản thứ nhất và giao cho ông Phạm Duy T1 tài sản thứ hai.

Ngày 15/11/2023, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý bổ sung vụ án dân sự đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn.

Ngày 20/02/2024, bà T có đơn rút yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với việc chia tài sản khi ly hôn và tự nguyện chịu số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng), là chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản tranh chấp.

[4] *Về nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Phạm Duy T1:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về việc kết hôn và con chung.

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do sự hiểu lầm của bà N1 Thị Nở (chị dâu bà T), cho rằng ông có hành vi xâm sỡ và tố cáo ông lên Công an xã Phước T1. Kết quả giải quyết, Công an xã Phước T1 hòa giải, bà Nở rút đơn tố cáo. Kể từ đó, vợ chồng không còn gắn kết như trước. Nếu lần ông đi chơi về, vợ chồng xảy ra cãi vã nhưng ông không đánh vợ. Khoảng tháng 9 năm 2023, bà T bỏ nhà đi cho đến nay chưa về. Lý do vì sao bà T bỏ đi ông không biết. Trước khi bà T bỏ đi, vợ chồng vẫn bình thường, không có mâu thuẫn gì. Trong thời gian bà T bỏ đi, ông có Nếu lần trực tiếp liên lạc điện thoại với bà T nhưng bà T chặn số, không liên lạc được. Ông có nhờ con liên lạc với bà T, lúc liên lạc được, lúc không liên lạc được. Ông biết bà T đang ở nhà ông bà ngoại nhưng không dám đến thuyết phục, vận động bà T về chung sống vì gia đình nhà vợ không đón tiếp ông. Thi thoảng ông có đánh bài, bà T cũng có góp ý xong ông hứa với bà T để ông có thời gian sửa đổi. Việc ông đánh bài chỉ là vui chơi, không gây nợ nần hay ảnh hưởng đến vợ, con.

Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N1 Thị Thu T, ông không muốn ly hôn vì ông còn rất yêu thương bà T và mong muốn gìn giữ gia đình.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông T1 yêu cầu giao các con chung gồm Phạm Thị Yến N, sinh ngày 25/07/2008 và Phạm Thị An Nên, sinh ngày 10/8/2019 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Trọng N1, sinh ngày 07/01/2016 cho ông trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Pên tòa, ông đề nghị Hội đồng xét xử phân tích, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ đồng thời mong muốn bà T cho ông một cơ hội nhằm thay đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng tiếp tục chung sống nhưng bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông T1. Ông T1 tự nguyện giao các con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và các bên sẽ tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Pên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nhận thấy bà N1 Thị Thu T khởi kiện yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Phạm Duy T1. Quá trình giải quyết và tại Pên tòa, các bên đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng và đã sống ly thân. Các bên đã được Tòa án hòa giải Nều lần nhưng không có kết quả vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về việc nuôi dưỡng con chung: Tại Pên tòa, các đương sự tự nguyện thỏa thuận về việc giao các con chung gồm Phạm Thị Yến N, sinh ngày 25/07/2008; Phạm Trọng N1, sinh ngày 07/01/2006 và Phạm Thị An Nên, sinh ngày 10/8/2019 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

Bà N1 Thị Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn với bị đơn ông Phạm Duy T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Phước T1, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện P xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”. Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[a] Xét yêu cầu về ly hôn:

Theo tra cứu sổ đăng ký kết hôn năm 2003 được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tín, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước: Bà N1 Thị Thu T và ông Phạm Duy T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tín, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển 01 ngày 25/3/2003. Các đương sự trình bày việc kết hôn được hình thành trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân giữa ông T1, bà T là hôn nhân hợp pháp.

Ông T1, bà T thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân có phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng từ năm 2022 và đến năm 2023 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, ông T1 mong muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại Pên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã kiên trì hòa giải, gắn kết tình cảm vợ chồng để ông T1, bà T tiếp tục chung sống tuy Nên bà T xác

định trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết, bà đã cho ông T1 Nền cơ hội để thay đổi tính tình, cùng nhau chăm lo gia đình, nuôi dạy con chung xong ông T1 không sửa đổi. Bà T xác định thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm không còn, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được nên bà giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T1. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng và khoảng thời gian sống ly thân của ông T1, bà T là căn cứ xác định hôn nhân của ông T1, bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục duy trì. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T.

[b] Xét yêu cầu về nuôi con: Tại Pên tòa, ông T1 và bà T thống nhất giao các con chung gồm Phạm Thị Yến N, sinh ngày 25/07/2008; Phạm Trọng N1, sinh ngày 07/01/2016 và Phạm Thị An Nên, sinh ngày 10/8/2019 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Tại Pên tòa, Hội đồng xét xử đã hỏi nguyện vọng của các cháu Yến N, Trọng N1 và các cháu đều có nguyện vọng được chung sống với bà T.

Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Sau khi ly hôn, ông Phạm Duy T1 được đảm bảo các quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[c] Về tài sản chung: Ngày 15/11/2023, Tòa án nhân dân huyện P thông báo thụ lý bổ sung vụ án đối với yêu cầu của bà T về việc phân chia tài sản khi ly hôn gồm:

Tài sản thứ nhất: Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 84, diện tích 324.8m², tọa lạc tại thôn Đ, xã Phước T1, huyện P, tỉnh Bình Phước, đất chưa được cấp GCNQSD đất.

Tài sản thứ hai: Thửa đất số 125, tờ bản đồ số 07, diện tích 8.799,8m², tọa lạc tại thôn Đ, xã Phước T1, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Bà T yêu cầu được nhận tài sản thứ nhất và giao cho ông Phạm Duy T1 tài sản thứ hai.

Ngày 18/01/2024, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản tranh chấp. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng), bà T tự nguyện nộp và đã hoàn thành nghĩa vụ.

Ngày 20/02/2024, bà T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản chung khi ly hôn. Việc rút một phần yêu cầu của bà T là hoàn

toàn tự nguyện, bị đơn ông Phạm Duy T1 không có yêu cầu phản tố. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu mà bà T đã rút. Bà T có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[d] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại Pên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Bà N1 Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trả lại bà N1 Thị Thu T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn mà bà T rút yêu cầu khởi kiện.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147; 217; 218 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T.

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà N1 Thị Thu T ly hôn với ông Phạm Duy T1.

[2] *Về nuôi con chung*: Giao con chung là cháu Phạm Thị Yến N, sinh ngày 25/07/2008; cháu Phạm Trọng N1, sinh ngày 07/01/2016 và cháu Phạm Thị An Nền, sinh ngày 10/8/2019 cho bà N1 Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Ông Phạm Duy T1 được đảm bảo các quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định pháp luật.

[3] *Về tài sản chung*: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của bà N1 Thị Thu T. Bà T có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà N1 Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016412 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

Trả lại cho bà N1 Thị Thu T số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) là tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016474 ngày 15/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

[5] Quyền kháng cáo: Bà N1 Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Duy T1 vắng mặt khi tuyên án, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện PR;
- THADS huyện PR;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước T1, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa

Vũ Thị Phụng